

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Mc**

Bản án số: 06/2021/KDTM-ST

Ngày: 24-9-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 24-9-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh tH mại thụ lý số: 02/2021/TLST- KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa lần 1 số 46/2021/QĐST – KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa lần 2 số 68/2021/QĐST – KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TH mại cổ phần Quân đội (MB); địa chỉ: số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đức - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Quân Đội; địa chỉ: Tầng G2, tòa nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Phòng - Tổng giám đốc công ty (Theo văn bản ủy quyền số 02/UQ.MB-MBAMC ngày 31/01/2019);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quốc Thế - Phó Tổng Giám đốc Công ty (Theo văn bản uỷ quyền số 721/UQ-MBAMC ngày 08/02/2021).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Đinh Thị Lành - Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Công ty MB AMC (Theo văn bản ủy quyền số 747/UQ-MBAMC ngày 17/02/2021).

Người đại diện theo ủy quyền lại của bà Lành: Ông Đoàn Đức Hiệp và ông Phạm Mạnh Hà – Chuyên viên xử lý nợ của công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản (Văn bản ủy quyền số 1230/UQ-MBAMC ngày 09/3/2021).

- **Bị đơn:** Vợ chồng ông Phạm Văn T, sinh năm 1971 và bà Trần Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: xóm 20, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

- **Người làm chứng:**

+ Anh Phạm Tiên P, sinh năm 1993; địa chỉ: xóm 20, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

+ Anh Phạm Văn M, sinh năm 1995; địa chỉ: xóm 20, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(có mặt ông T, bà H; vắng mặt đại diện hợp pháp, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng MB có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt anh P, anh M không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-3-2021, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng MB trình bày:

Ngày 31-07-2018, Ngân hàng MB – Chi nhánh Nam Định (MB Nam Định) đã ký Hợp đồng cho vay số 762980.18.776.4059042.TD cùng khế ước nhận nợ LD2006298367 đối với bên vay là vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H. Tổng số tiền vay đã giải ngân: 1.500.000.000đ, lãi suất 9,5%/năm. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn phục vụ kinh doanh gỗ và đồ gỗ các loại cho vợ chồng ông T, bà H. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 25-7-2018, thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức: Tối đa 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn. Để đảm bảo cho khoản vay tín dụng, ngày 02-8-2018, Ngân hàng MB Nam Định và hộ gia đình ông T, bà H đã cùng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 762988.18.776.4059042.BĐ. Tài sản bảo đảm gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 235 tờ bản đồ số 17 diện tích 502 m²; thửa số 7/2 tờ bản đồ số 22 diện tích 367 m² và thửa số 33/9, tờ bản đồ 23 diện tích 519m² của xã A, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri L225688, ngày 20-5-1997 mang tên hộ ông Phạm Văn T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông T, bà H đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong

Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ dẫn đến nợ xấu kể từ ngày 05-05-2020. Từ khi vay đến nay, vợ chồng ông T, bà H đã trả được 35.000.012đ tiền nợ gốc, số nợ gốc còn lại là 1.464.999.988đ. T đến hết ngày 24-9-2021, vợ chồng ông T, bà H còn nợ lãi là 342.993.007đ(trong đó: lãi trong hạn 27.722.006đ, lãi quá hạn 315.271.001đ). Tổng dư nợ gốc và lãi T đến ngày 24-9-2021 của vợ chồng ông T, bà H tại Ngân hàng MB là 1.807.992.995đ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, có văn bản, công văn yêu vợ chồng ông T, bà H trả số tiền nợ đã vay khi hết hạn vay hoặc bàn giao tài sản bảo đảm thế chấp cho Ngân hàng xử lý theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng nhưng vợ chồng ông T, bà H không thực và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng MB yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chồng ông T, bà H thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi T đến hết ngày 24-9-2021 là 1.807.992.995đ ; trong đó nợ gốc 1.464.999.988đ, nợ lãi 342.993.007đ (lãi trong hạn 27.722.006đ, lãi quá hạn 315.271.001đ). Kể từ sau ngày Tòa án xét xử thì buộc vợ chồng ông T, bà H còn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu vợ chồng ông T, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng MB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, và tại phiên tòa bị đơn vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H trình bày: Vợ chồng ông T, bà H công nhận có ký hợp đồng vay nợ ngày 31-7-2018 với Ngân hàng MB Nam Định, số nợ gốc giải ngân là 1.500.000.000đ như Ngân hàng trình bày là đúng. Mục đích vay vốn vợ chồng ông T, bà H sử dụng để kinh doanh đồ gỗ, vợ chồng ông T, bà H có đăng ký kinh doanh từ năm 2013. Ngân hàng nộp cho Tòa án bản sao hợp đồng cho vay ngày 31-7-2018, vợ chồng ông T, bà H công nhận đúng chữ ký của mình. Vợ chồng ông T, bà H có thế chấp tài sản cho ngân hàng MB để đảm bảo khoản vay trên gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 235 tờ bản đồ số 17 diện tích 502 m²; thửa số 7/2 tờ bản đồ số 22 diện tích 367 m² và thửa số 33/9, tờ bản đồ 23 diện tích 519m² của xã A, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri L225688, ngày 20-5-1997 mang tên hộ ông Phạm Văn T. Vợ chồng ông T, bà H có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 02-8-2018

với Ngân hàng MB. Với số tiền vay gốc 1.500.000.000đ, cứ 6 tháng thì vợ chồng ông T, bà H phải đáo hạn một lần, vợ chồng ông T, bà H đã đáo hạn được bốn lần. Đến ngày 06-3-2021, ngân hàng MB có gửi thông báo bằng tin nhắn cho vợ chồng ông T, bà H trả lãi. Sau đó ông T đem 40.000.000đ đến phòng giao dịch chi nhánh huyện Hải Hậu trả nợ, ngân hàng trừ vào tiền nợ gốc của vợ chồng ông T, bà H 35.000.012đ, số tiền còn lại trừ vào lãi. Nay Ngân hàng thông báo không nhất trí cho vợ chồng ông đáo hạn nữa và yêu cầu vợ chồng ông đến hạn trả nợ của khoản vay này phải trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi.

Ngân hàng khởi kiện đòi nợ vợ chồng ông T, bà H với số tiền vay gốc còn lại là 1.464.999.988đ vợ chồng ông T, bà H công nhận còn nợ khoản nợ gốc này. Về lãi, vợ chồng ông T, bà H không nắm rõ đến nay còn bao nhiêu. Tuy nhiên, vì điều kiện kinh tế hiện nay vợ chồng ông T, bà H đang gặp khó khăn, tình hình dịch bệnh kéo dài ảnh hưởng lớn đến việc kinh doanh nên ông T, bà H đề nghị Ngân hàng miễn nộp toàn bộ 100% lãi cho vợ chồng ông T, bà H.

Người làm chứng là anh Phạm Tiên P và anh Phạm Văn M vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án và các thông báo lịch làm việc phiên tòa xét xử vụ án của Tòa án cho anh P, anh M thông qua ông T là bố đẻ nhận thay và nhận trách nhiệm thông báo cho các con, ông T công nhận đã thông báo cho các con biết tuy nhiên hiện nay các con đi làm ăn xa không về Tòa án làm việc được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải, tổng đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 98, 170, 171, 175, 177, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự như cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa. Người có quyền lợi liên quan anh P, anh M không có mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án và phiên tòa là chưa có ý thức chấp hành pháp luật theo các quy định tại các Điều trên.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323,

385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng MB, buộc vợ chồng ông T, bà H phải trả nợ cho Ngân hàng MB số tiền nợ gốc và lãi T đến hết ngày 24-9-2021 là 1.807.992.995đ; trong đó nợ gốc 1.464.999.988đ, nợ lãi 342.993.007đ (lãi trong hạn 27.722.006đ, lãi quá hạn 315.271.001đ). Trường hợp ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng MB có quyền đề nghị cơ quan Thi hành xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Nếu tài sản đảm bảo không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông T, bà H còn phải tiếp tục thi hành phần nghĩa vụ còn lại đối với Ngân hàng MB cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ và các chi phí khác theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đại diện nguyên đơn Ngân hàng MB ông Đoàn Đức Hiệp vắng mặt đã có đơn xin xử vắng mặt. Người làm chứng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp.

[2] Xét hợp đồng cho vay số 762980.18.776.4059042.TD ngày 31-7-2018 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 762988.18.776.4059042.BĐ ngày 02-8-2018 được ký kết giữa Ngân hàng MB và vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H thì thấy: Tại thời điểm ký các hợp đồng, Ngân hàng MB là pháp nhân có đăng ký kinh doanh; vợ chồng ông T, bà H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, là hộ gia đình có đăng ký kinh doanh. Việc các bên ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các văn bản khác thể hiện ý chí tự nguyện của các bên trên cơ sở nhu cầu, kế hoạch phát triển kinh doanh, tăng thu nhập của doanh nghiệp và gia đình. Về nội dung các hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông T, bà H đã được Tòa án giao cho nhận bản sao hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp do Ngân hàng MB nộp kèm theo đơn khởi kiện. Vợ chồng ông T, bà H công nhận có ký các hợp đồng đúng như Ngân hàng MB nộp và đã nhận tiền giải ngân trong Hợp đồng sử dụng vốn vay để làm vốn vợ chồng kinh doanh gỗ. Do đó, hợp đồng cho vay số 762980.18.776.4059042.TD ngày 31-7-2018 được ký kết giữa Ngân hàng MB và vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H và các văn bản bộ phận kèm theo đều hợp pháp, các bên đã tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng thực hiện.

Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 762988.18.776.4059042.BĐ ngày 02-8-2018 vợ chồng ông T, bà H công nhận có ký các hợp đồng đúng như Ngân hàng MB nộp, anh P, anh M vắng mặt không có lời khai gửi Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông qua ông T. Tuy nhiên, đến nay anh P, anh M không có ý kiến phản hồi về nội dung cũng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng MB nộp bằng bản tự khai, để Tòa án xem xét. Điều này chứng tỏ anh P, anh M mặc nhiên đồng ý với nội dung và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng MB và công nhận việc vay nợ và Hợp đồng thế chấp này ký kết giữa hộ gia đình ông T và Ngân hàng MB của ông T, bà H và sự việc có thật.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng MB đối với vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H:

Theo hợp đồng cho vay số 762980.18.776.4059042.TD ngày 31-7-2018, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 24-7-2019 giữa Ngân hàng MB và vợ chồng ông T, bà H và các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng MB xuất trình: Ngày 24-7-2019, Ngân hàng MB đã ký giải ngân cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền 1.500.000.000đ; lãi suất 9,5%/năm; thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông T, bà H đã trả được số tiền nợ gốc là 35.000.012đ và đã trả lãi đến hết ngày 04/5/2020. Từ đó đến nay, hợp đồng đã hết hạn, vợ chồng ông T, bà H không trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng khi đến hạn là vi phạm các điều khoản mà hai bên đã ký kết. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng MB về việc buộc vợ chồng ông T, bà H phải trả cho Ngân hàng MB số tiền nợ gốc và lãi T đến hết ngày 24-9-2021 là 1.807.992.995đ; trong đó nợ gốc 1.464.999.988đ, nợ lãi 342.993.007đ (lãi trong hạn 27.722.006đ, lãi quá hạn 315.271.001đ) là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay nợ tại Ngân hàng MB, vợ chồng ông T, bà H đã tự nguyện thế chấp các tài sản gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 235 tờ bản đồ số 17 diện tích 502m²; thửa số 7/2 tờ bản đồ số 22 diện tích 367 m² và thửa số 33/9, tờ bản đồ 23 diện tích 519m² của xã A, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri L225688, ngày 20-5-1997 mang tên hộ ông Phạm Văn T và các tài sản gắn liền với đất gồm: Một nhà gỗ phía Bắc thổ 5 gian diện tích 66 m²; một nhà dưới quay phía Đông lợp ngói diện tích 37,5 m²; một đại tôn phía đường (xưởng gỗ) diện tích 220 m²; một đại proximang liền với đại tôn phía Tây thổ có diện tích 75 m²; một sân bê tông diện tích 225 m²; một cổng gỗ phía Nam rộng 5m. Tại thời điểm thế chấp tài sản bảo đảm ngày 02-8-2018, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri L225688, ngày 20-5-1997 của vợ chồng ông T, bà H cấp tên hộ ông Phạm Văn T, hộ ông T khi đó gồm có ông T, bà H và các con đã thành niên là anh P, anh M. Do đó, để đảm bảo thu hồi nợ thì Ngân hàng MB yêu cầu cả anh P, anh M ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, người sử dụng vốn vay tại ngân hàng là vợ chồng ông T, bà H sử dụng để kinh doanh đồ gỗ thể hiện bằng hợp đồng cho vay ngày 31-7-2018. Tại buổi xem xét thẩm định thực địa ngày 01-7-2021, bị đơn ông T, bà H khẳng định các tài sản vợ chồng đã thế chấp cho Ngân hàng MB như trên đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có thay đổi, xây mới hay sửa chữa thêm gì. Vì vậy, ngân hàng yêu cầu vợ chồng T, bà H phải có nghĩa vụ trả nợ nếu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng MB thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Trường hợp ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng MB có quyền đề nghị cơ quan Thi hành xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Nếu tài sản đảm bảo không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông T, bà H còn phải tiếp tục thi hành phần nghĩa vụ còn lại đối với Ngân hàng MB cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ và các chi phí khác theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Xác nhận Ngân hàng MB đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định thực địa và không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng MB.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 157, 244, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của Ngân hàng TH mại cổ phần Quân đội (MB).

2. Buộc vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng MB số tiền nợ gốc và lãi T đến hết ngày 24-9-2021 là 1.807.992.995đ (một tỷ tám trăm linh bảy triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng); trong đó nợ gốc 1.464.999.988đ (một tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng), nợ lãi 342.993.007đ (ba trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, không trăm linh bảy đồng) (lãi trong hạn 27.722.006đ, lãi quá hạn 315.271.001đ).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H còn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi

suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 762980.18.776.4059042.TD ngày 31-7-2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Trường hợp vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H không trả nợ cho Ngân hàng MB thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 235 tờ bản đồ số 17 diện tích 502m²; thửa số 7/2 tờ bản đồ số 22 diện tích 367 m² và thửa số 33/9, tờ bản đồ 23 diện tích 519m² của xã A, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri L225688, ngày 20-5-1997 mang tên hộ ông Phạm Văn T và các tài sản gắn liền với đất gồm: Một nhà gỗ phía Bắc thổ 5 gian diện tích 66 m²; một nhà dưới quay phía Đông lợp ngói diện tích 37,5 m²; một đại tôn phía đường (xưởng gỗ) diện tích 220 m²; một đại proximang liền với đại tôn phía Tây thổ có diện tích 75 m²; một sân bê tông diện tích 225 m²; một cổng gỗ phía Nam rộng 5m theo hợp đồng thế chấp số 762988.18.776.4059042.BĐ ngày 02-8-2018 mà các bên đã ký kết. Nếu tài sản đảm bảo không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông T, bà H còn phải tiếp tục thi hành phần nghĩa vụ chênh lệch còn thiếu đối với Ngân hàng MB cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ và các chi phí khác theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H phải nộp 66.239.789đ (sáu mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm tám mươi chín đồng) án phí kinh doanh tH mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng MB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng) tại biên lai thu số 0002638 ngày 28-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân sự bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã A;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng